

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK14+P8+P6	7:25	18+2+0	0+0+0		10+2+10	0+0+0	
2		BK9+MRM+CNV	7:25	8+2+7	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
3		CTK3+TTC2	7:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
4		BK4+VSP02	9:25	2+20	0+0		1+21	0+0	HUY
5		P2+CTK3+BK14	9:25	12+9+0	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
6		RC4+RP3+BK9	9:25	14+2+1	0+0+0		14+4+3	0+0+0	DOI DIEM BK3
7		VSP02+BK9	11:25	19+0	0+0		19+3	0+0	HUY

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/Đi về trong ngày BK14-10 ng, BK-9-3ng.

2/Всем иностранцам иметь при себе паспорта и удостоверение персонала СП для предъявления погранич. службе в аэропорту



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2020	TO: BK14 - P8 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Mạnh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN KHAI	BK14				60	70	CỤC ATBX	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HUYNH	BK14					78	CỤC ATBX	Vietnamese
3	PHẠM THANH TRUNG	BK14					67	CỤC ATBX	Vietnamese
4	LÀ TRƯỜNG GIANG	BK14					67	CỤC ATBX	Vietnamese
5	BONDARENKO	BK14	25	1	4		99	KH-THAC	Russian
6	POPOV	BK14	26	1	4		74	KH-THAC	Russian
7	PASHANOV	BK14	27	1	4		106	KH-THAC	Russian
8	LÊ VIỆT DUNG	BK14					58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BÀ THU	BK14					52	KH-THAC	Vietnamese
10	VU MINH PHƯƠNG	BK14	31-32	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TOÀN	BK14	29	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC CUÔNG	BK14	30	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH LIÊM	BK14	21	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	VU ĐÌNH HUY	BK14	28	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14					65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC HUY	BK14	22-23	2	15	15	64	T-TIN	Vietnamese
17	PHAN TIẾN CUÔNG	BK14	24	1	3		57	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK14	20	1	4		78	PSV	Vietnamese
19	VÕ NGỌC THAI SƠN	P8	45	1	10	40	65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THU	P8	44	1	5		51	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	18	13	53	1.271	75	10		
2	P8	2	2	15	116	40	2		
3	P6	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		20	15	68	1.387	115	22		
WEIGHT KG				68	1.387	115			

GRAND TOAL: 1.570 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK9 - MRM - CNV	CREW: N.Thắng - V.Linh - Q.Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THỌ	BK9	145	1	5		87	D-HANH	Vietnamese
2	BAMBUROV	BK9	48	1	3		100	KH-THAC	Russian
3	YATSENKO	BK9	47	1	4	20	98	ANTOAN	Russian
4	TRẦN NGỌC CHÍNH	BK9	45	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO KIM CUÔNG	BK9	99	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	200	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN BÌNH	BK9	46	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	98	1	7		58	PSV	Vietnamese
9	VITALY KHAEDINOV	MRM	33	1	7		73	KHOAN	Russian
10	VU QUANG	MRM	31-32	2	14		68	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	59-60	2	15	8	78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV					68	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ NGỌC CHÍNH	CNV	95	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HẠO	CNV	53	1	5	60	66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	63	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HIỆU	CNV	36,39	2	15		97	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	CNV	62	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	8	8	43	611	20	6		
2	MRM	2	3	21	141	0	7		
3	CNV	7	8	58	546	68	9		
TOTAL		17	19	122	1.298	88	22		
WEIGHT KG				122	1.298	88			

GRAND TOAL: 1.508 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: CTK3 - TTC2	CREW: Khang - MTHAO - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN QUYEN	CTK3	29-30	2	10	10	69	YTE	Vietnamese
2	BUI THE DIEN	CTK3	28	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	36	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DAN	CTK3	39-40	2	8		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG HA	CTK3	23	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI KHAC PHONG	CTK3				14	72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	24	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	13	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRAN DUC MINH	CTK3	35	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
10	HA MINH GIANG	CTK3	31	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN QUANG TUAN	CTK3	44	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN HUU BAO	CTK3	25	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DUC HANH	CTK3	38	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM QUANG THAI	CTK3	32	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUAN	CTK3	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM THANH QUANG	CTK3	41	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	34	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG TUNG	CTK3	26	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGHIA TIN	CTK3	33	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN DUNG	TTC2	75	1	14	83	67	CODIEN	Vietnamese
22	ĐỖ ĐỨC ANH	TTC2	74	1	14	50	80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	20	106	1.504	24	19	12	1 NOI BO VE NGOI GHE PHU
2	TTC2	2	2	28	147	133	3		
TOTAL		22	22	134	1.651	157	22		
WEIGHT KG				134	1.651	157			

GRAND TOAL: 1.942 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: P2 - CTK3 - BK14	CREW: N.Thắng - VLinh - Q.Trường	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU NGHI	P2	96	1	6		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUỐC	P2	88-89	2	14		73	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN QUÂN	P2	97-98	2	22		68	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG DUY TAI	P2	90	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỢI	P2	93-95	3	22		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIEN	P2	87	1	11		59	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN NAM ĐẠI	P2	99,900	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN KHẮC HOANG	P2	91-92	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH THẮNG	P2	82	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN SỸ	P2	77-79	3	19		78	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC DINH	P2	83-84	2	22	25	80	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC TÍNH	P2	80-81	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	52	1	12	80	75	KH-THAC	Vietnamese
14	LUYỄN VĂN THIỀU	CTK3	54-56	3	17		78	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN NGỌC THUỜNG	CTK3	51	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3	47	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH TUÂN	CTK3	49	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC CƯỜNG	CTK3	48	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	50	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI VAN DUNG/VNHS	CTK3					68	D-HANH	Vietnamese
21	HOANG VAN THANH/VNHS	CTK3	46	1	5		76	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	22	188	804	25	6		
2	CTK3	9	10	57	659	80	6		+1 INB VE GHE PHU
3	BK14	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		21	32	245	1.463	105	22		
WEIGHT KG				245	1.463	105			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: RC4 - RP3 - BK9	CREW: Khang - MTHAO - THU	ETA: 11:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VŨ TIẾN	RC4	22	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TUẤT	RC4	34	1	14		82	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC4	27	1	10	70	74	XAYLAP	Vietnamese
4	HÀ MẠNH DŨNG	RC4	28	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
5	BIỆN XUÂN THẮNG	RC4	23-24	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	RC4	30-31	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HÙNG	RC4	32	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG QUYNH	RC4	25-26	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CẨM	RC4	431	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN TRƯỞNG	RC4	33	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN QUAN	RC4	35	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
12	THIỀU VĂN LONG	RC4	40	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RC4	36-37	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN PHÚC	RC4	38-39	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
15	LƯU QUỐC ĐẠT	RP3	74-75	2	14		68	T-TIN	Vietnamese
16	PHAN HUY ĐẠO	RP3	72-73	2	9		59	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	14	19	211	1.002	70	14		
2	RP3	2	4	23	127	0	4		
3	BK9	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		16	23	234	1.129	70	21		
WEIGHT KG				234	1.129	70			

GRAND TOAL: 1.433 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

ID VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+P2	7:25	21+0	0+0		17+5	0+0	
2		TD1+P10+PPD	7:25	17+1+0	0+0+0		11+1+10	0+0+0	
3		PVD2+TD1	9:25	17+1	0+0		9+13	0+0	
4		CLO+PVD2	9:25	0+19	0+0		0+22	0+0	CHUYEN 1 CLO PVD2
5		BK4+VSP02	11:25	2+19	0+0		1+21	0+0	
6		VSP02+RP2	11:25	19+0+0	0+0+0		18+2	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2020	TO: CLO - P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - N.Anh - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DATSKO PAVEL	CLO	46	1	11	40	106	KHOAN	Russian
2	ĐOÀN MINH TRUNG	CLO	50	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THANH	CLO	44	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	47	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
5	HUYNH NGỌC BÌNH*PK-PVD	CLO	48	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU SƠN	CLO	43	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
7	CHU ĐỨC AI	CLO	45	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
8	NG. CHIẾN THẮNG*PK-PVD	CLO	49	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO THANH LIÊM	CLO	63	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TAM	CLO	60	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐÔNG HUNG	CLO	62	1	14		79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HUE	CLO	64	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LUÂN	CLO	61	1	11		71	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG TIỀN	CLO	59	1	11		79	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN LÂM GIANG	CLO	51	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH KHOAN	CLO	52-53	2	14		85	KHOAN	Vietnamese
17	ĐO THANH HAI	CLO	42	1	5		66	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	56-57	2	6		71	PSV	Vietnamese
19	TRẦN QUANG NHAN	CLO	54	1	5		58	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CHANH	CLO	55	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DINH LOI	CLO	58	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	23	168	1.513	40	17	+1	+1NB ĐI VÀ VE: NGUYEN THI LAN HUONG
2	P2	0	0	0	0	40	5		
TOTAL		21	23	168	1.513	80	22		
WEIGHT KG				168	1.513	80			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD1 - P10 - PPD	CREW: HUNG - QViệt - Luy	ETA: 09:15
CAM1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UVAISHOV A.X	TD1	37	1	10	55	98	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN DUNG	TD1	04	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN MINH	TD1	02	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
4	LE TRONG LUONG	TD1	05	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM CONG TIEN	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
7	VU DUC TOAN*PK	TD1	08	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
8	NG. MINH HAI-PVD	TD1	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN DUY	TD1	07	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN HOAN	TD1	06	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG THANG	TD1					56	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	35	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
13	MAI HAI LONG	TD1	36	1	8		75	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DUC	TD1	09	1	11	50	80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM DINH SINH	TD1	38	1	10		70	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN DUNG	TD1	03	1	11		58	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HOANG	TD1	39	1	4		80	PSV	Vietnamese
18	PHAM NGOC THANH	P10	65	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	14	98	1.238	105	11		
2	P10	1	1	3	65	0	1		
3	PPD	0	0	0	0	70	10		
TOTAL		18	15	101	1.303	175	22		
WEIGHT KG				101	1.303	175			

GRAND TOAL: 1.579 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2020	TO: PVD2 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vận - NPhú - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO DANG DUY	PVD2	35	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VIET THANG	PVD2	45	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY LONG	PVD2	40-41	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUNG	PVD2	51-52	2	14		90	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG NAM	PVD2	50	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
6	HUYNH QUANG TIEN	PVD2	37	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	44	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN BINH MINH	PVD2	47	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC THACH	PVD2	55	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH MANH LINH	PVD2	42	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DUC TUNG	PVD2	46	1	12		83	KHOAN	Vietnamese
12	HA NGUYEN ANH TUAN	PVD2	38-39	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
13	LUONG VAN HOANG	PVD2	43	1	3		88	KHOAN	Vietnamese
14	DANG XUAN HUYNH	PVD2	53	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
15	NGO QUY THINH	PVD2	54	1	8		95	KHOAN	Vietnamese
16	DANG QUOC THAI	PVD2	36	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
17	DO DUC MANH	PVD2	48-49	2	19		72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN THUAT	TD1	16	1	2	20	80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	17	21	151	1.272	0	9		
2	TD1	1	1	2	80	20	13		
TOTAL		18	22	153	1.352	20	22		
WEIGHT KG				153	1.352	20			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	TO: CLO - PVD2	CREW: HUNG - QViệt - Luy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN LIEM	PVD2	83	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN VINH	PVD2	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	VO KHAC NAM	PVD2	82	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN XUAN NINH	PVD2	84	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN CAO TUAN	PVD2	87	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN VAN KHOA	PVD2	81	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DONG HAI	PVD2	80	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
8	LE KHAC BAO	PVD2	85	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC DANG	PVD2	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	TONG VAN DAT	PVD2	31	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN BINH	PVD2	94	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM THANH ĐẠO	PVD2	92-93	2	10		57	KHOAN	Vietnamese
13	VU MAI SAU	PVD2	90-91	2	14		71	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH AN	PVD2	88	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN HOANG	PVD2	99-600	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TAM	PVD2	95-96	2	13		65	KHOAN	Vietnamese
17	HO NGOC HAI	PVD2	89	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN LUAN	PVD2	97	1	10		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	0	0	0	0	60	0 + 1		CHUYEN 1 PAX CLO SANG PVD2
2	PVD2	18	22	134	1.161	0	22		
TOTAL		18	22	134	1.161	60	22		
WEIGHT KG				134	1.161	60			

GRAND TOAL: 1.355 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 5	TO: BK4 - VSP02	CREW: Vận - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN DAN	BK4	96-97	2	17	35	65	CODIEN	Vietnamese
2	ĐANG TRỌNG DUNG	BK4	94-95	2	20		65	CODIEN	Vietnamese
3	BUI VAN THOAI	VSP02	/				70	YTE	Vietnamese
4	LÊ CÔNG HOAN	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG NGOC CUONG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
6	POKLONSKIY A	VSP02	22	1	5		81	KH-THAC	Russian
7	PHAM NGOC THACH	VSP02	19	1	9		57	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	18	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN CHIEN THANG	VSP02	24	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	17	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	16	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	13	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI XUÂN TIỀN	VSP02	20	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ MẠNH THẮNG	VSP02	14	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TRUNG DUNG	VSP02	15	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	21	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ VĂN HUNG	VSP02	25	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
19	VU HAI ĐĂNG	VSP02	23	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	12	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI HUY BÌNH	VSP02					82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	2	4	37	130	35	0		
2	VSP02	19	14	79	1.290	0	21		
TOTAL		21	18	116	1.420	35	21		
WEIGHT KG				116	1.420	35			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 6	TO: VSP02 - RP2 - TD3	CREW: QViệt - HUNG - NNam	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ THAI SƠN	VSP02	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	26	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH THAO	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TÂN LINH	VSP02	40	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	02	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	34	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	39	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	31	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LŨ SƠN	VSP02	41	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	KORNILOV	VSP02	46	1	10		85	ANTOAN	Russian
13	CAO KINH THAO	VSP02	36	1	14	8	71	T-TIN	Vietnamese
14	VŨ ANH MINH	VSP02	28,30	2	20		72	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	VSP02	32	1	5		98	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	38	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	HÀN VĂN HIẾU	VSP02	35	1	8		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	29	1	4		67	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN CHÍ	VSP02	33	1	4		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	19	17	119	1.350	8	18		
2	RP2	0	0	0	0	0	2		
3	TD3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	17	119	1.350	8	22		
WEIGHT KG				119	1.350	8			

GRAND TOAL: 1.477 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN